

Số: 234/QĐ-UBND

Xuân Sơn, ngày 28 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ XUÂN SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng - Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND xã Xuân Sơn phù hợp Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ban lãnh đạo, Ban Chỉ đạo ISO, các bộ phận chuyên môn, cán bộ, công chức, người lao động thuộc UBND xã thường xuyên triển khai áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo phạm vi đã công bố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Văn phòng Thống kê, các bộ phận, ngành chuyên môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND Thị xã (để b/c);
- Lưu: VT. 



PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND XÃ XUÂN SƠN THEO
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo QĐ số: 234/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND xã Xuân Sơn)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	MÃ QUY TRÌNH	LẦN BAN HÀNH	GHI CHÚ
I	LĨNH VỰC TÔN GIÁO: 10			
1.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	QT-01/TG	1	
2.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QT-02/TG	1	
3.	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-03/TG	1	
4.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT-04/TG	1	
5.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	QT-05/TG	1	
6.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-06/TG	1	
7.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	QT-07/TG	1	
8.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	QT-08/TG	1	
9.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	QT-09/TG	1	
10.	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT-10/TG	1	
II	LĨNH VỰC THANH TRA: 04		1	
11.	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	QT-01/TTr	1	
12.	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	QT-02/TTr	1	
13.	Tiếp công dân tại cấp xã	QT-03/TTr	1	
14.	Xử lý đơn tại cấp xã	QT-04/TTr	1	

III	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG : 03		1	
15.	Thủ tục kê khai tài sản	QT-01/PCTN	1	
16.	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT-02/PCTN	1	
17.	Thủ tục thực hiện việc giải trình	QT-03/PCTN	1	
IV	LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG: 05			
18.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT-01/TĐKT	1	
19.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	QT-02/TĐKT	1	
20.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	QT-03/TĐKT	1	
21.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	QT-04/TĐKT	1	
22.	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT-05/TĐKT	1	
V	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO: 05		1	
23.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	QT-01/GDĐT	1	
24.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-02/GDĐT	1	
25.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	QT-3/GDĐT	1	
26.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	QT-04/GDĐT	1	
27.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT-05/GDĐT	1	
VI	LĨNH VỰC TƯ PHÁP: (40)		1	
	* LĨNH VỰC HỘ TỊCH(19)		1	

28.	Đăng ký khai sinh – Đăng ký thường trú – cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi(trường hợp trẻ có cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng, chăm sóc có đăng ký thường trú trên địa bàn cấp huyện)	QT-01/HT	1	
29.	Đăng ký khai sinh – cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi (trường hợp trẻ có cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng không có đăng ký thường trú mà chỉ có đăng ký tạm trú trên địa bàn cấp huyện)	QT-02/HT	1	
30.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-03/HT	1	
31.	Đăng ký khai sinh thông thường	QT-04/HT	1	
32.	Đăng ký kết hôn	QT-05/HT	1	
33.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-06/HT	1	
34.	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	QT-07/HT	1	
35.	Đăng ký khai tử	QT-08/HT	1	
36.	Đăng ký khai sinh lưu động	QT-09/HT	1	
37.	Đăng ký kết hôn lưu động	QT-10/HT	1	
38.	Đăng ký khai tử lưu động	QT-11/HT	1	
39.	Đăng ký giám hộ	QT-12/HT	1	
40.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QT-13/HT	1	
41.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	QT-14/HT	1	
42.	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT-15/HT	1	
43.	Đăng ký lại khai sinh	QT-16/HT	1	
44.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ, cá nhân	QT-17/HT	1	
45.	Đăng ký lại kết hôn	QT-18/HT	1	
46.	Đăng ký lại khai tử	QT-19/HT	1	

	* LĨNH VỰC CHỨNG THỰC(11)		1	
47.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-01/CT	1	
48.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-02/CT	1	
49.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ)	QT-03/CT	1	
50.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-04/CT	1	
51.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-05/CT	1	
52.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-06/CT	1	
53.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	QT-07/CT	1	
54.	Chứng thực di chúc	QT-08/CT	1	
55.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT-09/CT	1	
56.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-10/CT	1	
57.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-11/CT	1	
	* LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI(2)		1	
58.	Đăng ký nuôi con nuôi trong nước	QT-01/NCN	1	
59.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT-02/NCN	1	
	* LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC(1)		1	
60.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-01/BTNN	1	

	* LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT(2)		1	
61.	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QT-01/PL	1	
62.	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	QT-02/PL	1	
	* LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ(5)		1	
63.	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT-01/HGCS	1	
64.	Công nhận hòa giải viên	QT-02/HGCS	1	
65.	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	QT-03/HGCS	1	
66.	Thôi làm hòa giải viên	QT-04/HGCS	1	
67.	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT-05/HGCS	1	
VII	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ GIA ĐÌNH: 07		1	
68.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	QT-01/VHTT	1	
69.	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	QT-02/VHTT	1	
70.	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	QT-03/VHTT	1	
71.	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	QT-0/VHTT	1	
72.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	QT-01/VHTT	1	
73.	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	QT-01/VHTT	1	
74.	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT-01/VHTT	1	
VIII	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI: 52		1	

	* LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG(29)		1	
75.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-01/NCC	1	
76.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-02/NCC	1	
77.	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	QT-03/NCC	1	
78.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của TTCP, Bằng khen của Chủ tịch HDBT hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT-04/NCC	1	
79.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - Pu – Chia	QT-05/NCC	1	
80.	Cấp “Bằng Tổ quốc ghi công”	QT-06/NCC	1	
81.	Cấp “Bằng Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp “Bằng Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31/12/1994 trở về trước	QT-07/NCC	1	
82.	Cấp đổi “Bằng Tổ quốc ghi công”	QT-08/NCC	1	
83.	Cấp lại “Bằng Tổ quốc ghi công”	QT-09/NCC	1	
84.	Cấp “Bằng Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	QT-10/NCC	1	
85.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động – Thương binh và xã hội quản lý	QT-11/NCC	1	

86.	Giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ	QT-12/NCC	1	
87.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “ Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	QT-13/NCC	1	
88.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QT-14/NCC	1	
89.	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT-15/NCC	1	
90.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Thành phố quản lý	QT-16/NCC	1	
91.	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	QT-17/NCC	1	
92.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QT-18/NCC	1	
93.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-19/NCC	1	
94.	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-20/NCC	1	
95.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	QT-21/NCC	1	
96.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến, giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT-22/NCC	1	
97.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT-23/NCC	1	
98.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT-24/NCC	1	
99.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QT-25/NCC	1	
100.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT-26/NCC	1	

101.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	QT-27/NCC	1	
102.	Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	QT-28/NCC	1	
103.	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	QT-29/NCC	1	
	* LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI – GIẢM NGHÈO(14)		1	
104.	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	QT-01/BTXH-GN	1	
105.	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016 - 2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	QT-02/BTXH-GN	1	
106.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT-03/BTXH-GN	1	
107.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT-04/BTXH-GN	1	
108.	Công nhận hộ nghèo, cận nghèo phát sinh trong năm	QT-05/BTXH-GN	1	
109.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	QT-06/BTXH-GN	1	
110.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QT-07/BTXH-GN	1	
111.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QT-08/BTXH-GN	1	
112.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT-09/BTXH-GN	1	

113.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-10/BTXH-GN	1	
114.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	QT-11/BTXH-GN	1	
115.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT-12/BTXH-GN	1	
116.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT-13/BTXH-GN	1	
117.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	QT-14/BTXH-GN	1	
	* LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI(2)		1	
118.	Thủ tục Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT-01/PCTNXH	1	
119.	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	QT-02/PCTNXH	1	
	* LĨNH VỰC BẢO VỆ, CHĂM SÓC TRẺ EM(6)		1	
120.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.	QT-01/BVTE	1	
121.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT-02/BVTE	1	
122.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QT-03/BVTE	1	

123.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	QT-04/BVTE	1	
124.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT-05/BVTE	1	
125.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QT-06/BVTE	1	
	* LĨNH VỰC VIỆC LÀM (HỖ TRỢ COVID-19) (01)		1	
126.	Hỗ trợ hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	QT-01/COVID	1	
IX	LĨNH VỰC DÂN TỘC : 02		1	
127.	Xét công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT-01/DT	1	
128.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT-02/DT	1	
X	LĨNH VỰC Y TẾ (01)		1	
129.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	QT-01/YT	1	
XI	* LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG: 03		1	
130.	Tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	QT-01/MT	1	
131.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QT-02/ MT	1	
132.	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	QT-03/ MT	1	
XII	LĨNH VỰC ĐỊA CHÍNH ĐÔ THỊ: 14		1	

133.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu(không áp dụng đối với trường hợp kê khai cấp Giấy chứng nhận)	QT-01/ĐC	1	
134.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất	QT-02/ĐC	1	
135.	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao liền kề và đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở cho hộ gia đình, cá nhân	QT-03/ĐC	1	
136.	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT-04/ĐC	1	
137.	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	QT-05/ĐC	1	
138.	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký hay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	QT-06/ĐC	1	
139.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT-07/ĐC	1	
140.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	QT-08/ĐC	1	
141.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng.	QT-09/ĐC	1	
142.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp	QT-10/ĐC	1	
143.	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	QT-11/ĐC	1	

144.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	QT-12/ĐC	1	
145.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	QT-13/ĐC	1	
146.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	QT-14/ĐC	1	
XIII	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN: 11			
147.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	QT-01/NN	1	
148.	Thủ tục: Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	QT-02/NN	1	
149.	Thủ tục: Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	QT-03/NN	1	
150.	Thủ tục: Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	QT-04/NN	1	
151.	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT-05/NN	1	

152.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.	QT-06/NN	1	
153.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT-07/NN	1	
154.	Thẩm định , phê duyệt phương án ứng phó thiên tai do công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền UBND xã	QT-08/NN	1	
155.	Thẩm định , phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền UBND xã	QT-09/NN	1	
156.	Thủ tục: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	QT-10/NN	1	
157.	Thủ tục: Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	QT-11/NN	1	
XIV	LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA: 10			
158.	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT-01/ĐTND	1	
159.	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT-02/ĐTND	1	
160.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT-03/ ĐTND	1	
161.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-04/ ĐTND	1	
162.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-05/ ĐTND	1	

163.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT-06/ ĐTND	1	
164.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT-07/ ĐTND	1	
165.	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT-08/ ĐTND	1	
166.	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT-09/ ĐTND	1	
167.	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QT-10/ ĐTND	1	
XV	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH: 01			
168.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	QT-01/TC	1	
	QUY TRÌNH NỘI BỘ			
169.	Quy trình nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức	QT-01/NB	1	
170.	Quy trình tổ chức cuộc họp, hội nghị	QT-02/NB	1	
171.	Quy trình thực hiện thanh quyết toán tại UBND xã	QT-03/NB	1	
172.	Quy trình quản lý hồ sơ, tài liệu lưu trữ	QT-04/NB	1	
173.	Quy trình tiếp phỏng viên, báo đài	QT-05/NB	1	
174.	Quy trình xây dựng lịch công tác tuần	QT-06/NB	1	
175.	Quy trình khắc phục sự cố công nghệ thông tin	QT-07/NB	1	
176.	Quy trình xin nghỉ phép	QT-08/NB	1	
	THỦ TỤC, HƯỚNG DẪN THEO MÔ HÌNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG			
177.	Chính sách chất lượng	CSCS	1	
178.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	1	

179.	Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	BMT	1	
180.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ)	QT-01	1	
181.	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT-02	1	
182.	Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng	QT-03	1	
183.	Quy trình kiểm soát và xử lý sự không phù hợp	QT-04	1	
184.	Quy trình tổ chức hành động khắc phục	QT-05	1	
185.	Quy trình họp xem xét của lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng	QT-06	1	